

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp
Gói cung cấp: **Kiểm định và quan trắc đối chứng**
hệ thống quan trắc tự động

GIÁM ĐỐC CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CAO NGẠN - TKV

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP;

Căn cứ Kế hoạch số 1507/KH-CNPC ngày 25/9/2025: Kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ; Đo điện trở tiếp đất, thử tải dây đai an toàn; Thử nghiệm, kiểm định dụng cụ và trang thiết bị an toàn điện năm 2026;

Căn cứ Công văn số 3793/ĐLTKV-KH ngày 25/12/2025 của Tổng công ty Điện lực - TKV V/v Tạm giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 2125/KH-CNPC ngày 31/12/2025 Kế hoạch điều hành sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định dự toán và KHLNCC ngày 06/02/2026 của Tổ thẩm định.

Xét đề nghị của phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán gói cung cấp: Kiểm định và quan trắc đối chứng hệ thống quan trắc tự động với những nội dung chính sau:

1. Nội dung công việc: Kiểm định và quan trắc đối chứng hệ thống quan trắc tự động.

2. Giá trị dự toán (đã bao gồm thuế và các chi phí khác): 238.560.000 đồng.
(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng)

(Chi tiết như phụ lục 01 kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp “Kiểm định và quan trắc đối chứng hệ thống quan trắc tự động”.

(Chi tiết như phụ lục 02 kèm theo).

Điều 3. Phòng KHĐTVT chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà cung cấp theo kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà) Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4 (e-copy);
- Phòng KTTC, KTAT, KHĐTVT;
- Lưu: VT, NDL (4).



Nguyễn Việt Cường

PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN

Gói cung cấp: Kiểm định và quan trắc đối chứng hệ thống quan trắc tự động

(Kèm theo Quyết định số 68 /QĐ-CNPC ngày 06 tháng 02 năm 2026)

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá dự toán (đồng)	Thành tiền (đồng)	Hình thức thực hiện
I	Hệ thống quan trắc khí thải tự động (1+2)				150 400 000	
1	Kiểm định/ hiệu chuẩn thiết bị quan trắc khí thải tự động				115 000 000	
1.1	NO ₂	Mẫu	1	15 500 000	15 500 000	Kiểm định
1.2	SO ₂	Mẫu	1	15 500 000	15 500 000	Kiểm định
1.3	CO	Mẫu	1	15 500 000	15 500 000	Kiểm định
1.4	CO ₂	Mẫu	1	15 500 000	15 500 000	Kiểm định
1.5	O ₂	Mẫu	1	15 500 000	15 500 000	Kiểm định
1.6	NO	Mẫu	1	15 500 000	15 500 000	Kiểm định
1.7	Bụi tổng	Mẫu	1	10 000 000	10 000 000	Hiệu chuẩn
1.8	Lưu lượng khói	Mẫu	1	6 000 000	6 000 000	Hiệu chuẩn
1.9	Áp suất	Mẫu	1	6 000 000	6 000 000	Hiệu chuẩn
2	Quan trắc đối chứng				35 400 000	
2.1	Nhiệt độ	Mẫu	6	400 000	2 400 000	Thử nghiệm
2.2	SO ₂	Mẫu	6	900 000	5 400 000	Thử nghiệm
2.3	NO _x	Mẫu	6	900 000	5 400 000	Thử nghiệm
2.4	Bụi tổng	Mẫu	6	1 500 000	9 000 000	Thử nghiệm
2.5	O ₂	Mẫu	6	900 000	5 400 000	Thử nghiệm
2.6	Lưu lượng	Mẫu	6	400 000	2 400 000	Thử nghiệm
2.7	CO	Mẫu	6	900 000	5 400 000	Thử nghiệm
II	Hệ thống quan trắc nước thải tự động (1+2)				50 600 000	
1	Kiểm định/ hiệu chuẩn thiết bị quan trắc nước thải tự động				38 000 000	
1.1	Lưu lượng đầu ra	Mẫu	1	6 000 000	6 000 000	Hiệu chuẩn
1.2	Lưu lượng đầu vào nước thải sản xuất	Mẫu	1	6 000 000	6 000 000	Hiệu chuẩn
1.3	Lưu lượng đầu vào nước thải sinh hoạt	Mẫu	1	6 000 000	6 000 000	Hiệu chuẩn

1.4	Nhiệt độ	Mẫu	1	2 000 000	2 000 000	Hiệu chuẩn
1.5	pH	Mẫu	1	3 000 000	3 000 000	Kiểm định
1.6	TSS	Mẫu	1	5 000 000	5 000 000	Kiểm định
1.7	COD	Mẫu	1	5 000 000	5 000 000	Kiểm định
1.8	NH ₄ ⁺	Mẫu	1	5 000 000	5 000 000	Hiệu chuẩn
2	Quan trắc đối chứng				12 600 000	
2.1	Lưu lượng đầu ra	Mẫu	6	300 000	1 800 000	Thử nghiệm
2.2	Lưu lượng đầu vào nước thải sản xuất	Mẫu	6	300 000	1 800 000	Thử nghiệm
2.3	Lưu lượng đầu vào nước thải sinh hoạt	Mẫu	6	300 000	1 800 000	Thử nghiệm
2.4	Nhiệt độ	Mẫu	6	150 000	900 000	Thử nghiệm
2.5	pH	Mẫu	6	150 000	900 000	Thử nghiệm
2.6	TSS	Mẫu	6	300 000	1 800 000	Thử nghiệm
2.7	COD	Mẫu	6	300 000	1 800 000	Thử nghiệm
2.8	NH ₄ ⁺	Mẫu	6	300 000	1 800 000	Thử nghiệm
III	Kiểm định/ hiệu chuẩn thiết bị quan trắc nước làm mát				13 000 000	
1	Lưu lượng	Mẫu	1	6 000 000	6 000 000	Hiệu chuẩn
2	Nhiệt độ	Mẫu	1	2 000 000	2 000 000	Hiệu chuẩn
3	Clo dư	Mẫu	1	5 000 000	5 000 000	Hiệu chuẩn
IV	Kiểm định/ hiệu chuẩn thiết bị đo lưu lượng khu vực tiền xử lý				6 000 000	
1	Lưu lượng nước vào bể lắng	Mẫu	1	6 000 000	6 000 000	Hiệu chuẩn
	Cộng (I + II + III +IV)				220 000 000	
	Thuế VAT 5%				11 000 000	
	Tổng giá trị đã bao gồm thuế (A)				231 000 000	
V	Chi phí khác					
1	Chi phí thực hiện tại cơ sở (Bao gồm chi phí xe vận chuyển, nhân công...)	Trộn gói	1	7 000 000	7 000 000	
	Cộng				7 000 000	
	Thuế VAT 8%				560 000	
	Tổng giá trị đã bao gồm thuế (B)				7 560 000	
	Tổng giá trị (A + B)				238 560 000	
Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng						

Gói cung cấp: Kiểm định và quan trắc đối chứng hệ thống quan trắc tự động

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói cung cấp		Giá gói cung cấp	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà cung cấp	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói cung cấp	Tùy chọn mua thêm
		<i>Tên gói cung cấp</i>	<i>Tóm tắt công việc chính của gói cung cấp</i>							
1	Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV	Kiểm định và quan trắc đối chứng hệ thống quan trắc tự động.	Kiểm định và quan trắc đối chứng hệ thống quan trắc tự động.	238.560.000 đồng	Chi phí sản xuất kinh doanh	Ký hợp đồng trực tiếp	Tháng 02/2026	Theo đơn giá cố định	90 ngày	Không
Tổng giá gói cung cấp				238.560.000 đồng.						